BỘ NGOẠI GIAO

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao số 08/2003/QĐ-BNG ngày 08/12/2003 về việc ban hành Quy chế tạm thời về miễn thị thực cho người Nhật Bản vào Việt Nam tham quan, du lịch và kinh doanh.

BỘ TRƯỞNG BỘ NGOẠI GIAO

Căn cứ Pháp lệnh về Nhập cảnh, xuất cảnh và cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 28 tháng 4 năm 2000;

Căn cứ Nghị định số 21/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 3 năm 2003 của Chính phủ về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Bộ Ngoại giao;

Căn cứ sự ủy quyền của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 103/CP-KTTH ngày 01 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tạm thời về miễn thị thực cho người Nhật Bản vào Việt Nam tham quan, du lịch và kinh doanh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2004.

Điều 3. Cục trưởng Cục Lãnh sự, Vụ trưởng Vụ Lễ tân, Giám đốc Sở Ngoại vụ thành phố Hồ Chí Minh và thủ trưởng các đơn vị có liên quan của Bộ Ngoại giao có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao
Thứ trưởng

NGUYỄN PHÚ BÌNH

QUY CHẾ tạm thời về miễn thị thực cho người Nhật Bản vào Việt Nam tham quan, du lịch và kinh doanh

(ban hành kèm theo Quyết định số 08/2003/QĐ-BNG ngày 08 tháng 12 năm 2003 của Bộ trưởng Bộ Ngoại giao).

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Người mang hộ chiếu Nhật Bản còn giá trị vào Việt Nam tham quan, du lịch và kinh doanh (sau đây gọi là khách Nhật Bản) được miễn thị thực nhập cảnh, xuất cảnh Việt Nam với thời gian tạm trú tại Việt Nam không quá 15 ngày kể từ ngày nhập cảnh.

Điều 2. Khách Nhật Bản có nhu cầu ở lại quá 15 ngày, nếu thực sự có lý do

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com

chính đáng và được cơ quan, tổ chức, cá nhân tại Việt Nam có văn bản đề nghị gửi Cục Quản lý xuất nhập cảnh - Bộ Công an (đối với người thuộc diện làm thủ tục tại Bộ Công an) hoặc Cục Lãnh sự, Vụ Lễ tân - Bộ Ngoại giao (đối với người thuộc diện làm thủ tục tại Bộ Ngoại giao) thì có thể được xem xét cấp thị thực hoặc gia hạn tạm trú phù hợp với mục đích xin ở lại.

Điều 3. Khách Nhật Bản vào Việt Nam theo Quy chế này phải có hộ chiếu Nhật Bản còn giá trị ít nhất 03 tháng và có vé khứ hồi hoặc vé đi tiếp nước khác.

Điều 4. Khách Nhật Bản thuộc một trong các đối tượng quy định tại mục b, c, d và đ khoản 1 Điều 8 Pháp lệnh về Nhập cảnh, xuất cảnh, cư trú của người nước ngoài tại Việt Nam ngày 28/4/2000 hoặc không đáp ứng một trong các yêu cầu nêu tại Điều 3 Quy chế này không được cơ quan quản lý xuất nhập cảnh của Việt Nam cho nhập cảnh hoặc bị rút ngắn thời hạn tạm trú tại Việt Nam.

Chương II

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 5. Khách Nhật Bản đã nhận thị thực từ ngày 31 tháng 12 năm 2003 trở về trước không được hoàn lại lệ phí thị thực.

Điều 6. Cục trưởng Cục Lãnh sự chịu trách nhiệm làm thủ tục thông báo cho Bộ Ngoại giao Nhật Bản về việc miễn thị thực cho khách Nhật Bản quy định tại Quy chế này cũng như việc Chính phủ Việt Nam có thể hủy bỏ việc thực hiện Quy chế này khi thấy cần thiết./.

KT. Bộ trưởng Bộ Ngoại giao
Thứ trưởng

NGUYỄN PHÚ BÌNH

BỘ TÀI CHÍNH

QUYẾT ĐỊNH của Bộ trưởng Bộ Tài chính số 192/2003/QĐ-BTC ngày 25/11/2003 về việc ban hành Danh mục hàng hóa và thuế suất thuế nhập khẩu để thực hiện lộ trình giảm thuế nhập khẩu theo Hiệp định Buôn bán hàng dệt, may ký giữa Việt Nam và Cộng đồng Châu Âu (EU) cho giai đoạn 2003 - 2005.

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 26/12/1991 và các Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu ngày 05/7/1993; số 04/1998/QH10 ngày 20/5/1998;

Căn cứ Hiệp định Buôn bán hàng dệt, may giữa Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Cộng đồng Châu Âu ký ngày 15

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com